

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ 1
MÔN TIN HỌC KHỐI 12
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Bài 7. HTML và cấu trúc trang web

- Khái niệm và chức năng của HTML.
- Cấu trúc trang Web.
- Khái niệm thẻ HTML và phần tử HTML.
- Phần mềm soạn thảo HTML.
- Hiểu và giải thích được cấu trúc của một trang Web dưới dạng HTML.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

Bài 8. Định dạng văn bản

- Khái niệm thuộc tính của thẻ HTML.
- Một số thẻ có tính năng định dạng văn bản.
- Năm được khái niệm và công dụng của thuộc tính thẻ.
- Sử dụng được một số thẻ HTML để định dạng văn bản đẹp hơn.
- Thực hiện được lệnh và chương trình làm việc đơn giản để trình bày một đoạn văn bản theo nhu cầu.
- Hình thành tư duy logic phân tích yêu cầu cần đạt để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Bài 9. Tạo danh sách, bảng

- Các thẻ HTML dùng để tạo danh sách.
- Các thẻ HTML hỗ trợ tạo bảng.
- Năm được các thẻ cần dùng khi viết các đoạn mã tạo bảng.
- Sử dụng thẻ HTML tạo được danh sách, bảng.
- Hình thành tư duy phân tích một công việc phức tạp thành các công việc đơn giản để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

Bài 10. Tạo liên kết

- Ý nghĩa của siêu văn bản, khái niệm đường dẫn, đường dẫn tương đối và tuyệt đối.
- Thẻ HTML tạo liên kết.
- Sử dụng thẻ HTML tạo được các loại liên kết.
- Hình thành tư duy tổng quan về sự liên kết giữa các thành phần trong một tổng thể phức tạp.
- Có trách nhiệm khi chia sẻ các nguồn tài nguyên trên không gian mạng.

Bài 11. Chèn tệp tin đa phương tiện và khung nội tuyến vào trang web

- Các dạng tệp ảnh có thể chèn vào trang web.
- Cách sử dụng thẻ `` và `<video>`.
- Khái niệm khung nội tuyến.
- Biết được các loại tập tin đa phương tiện có thể chèn vào web.
- Sử dụng thẻ HTML chèn được dữ liệu đa phương tiện và khung nội tuyến vào trang web và điều chỉnh kích thước cho phù hợp.
- Hình thành tư duy tổng quan về sự liên kết giữa các thành phần trong một tổng thể phức tạp.
- Có trách nhiệm khi chia sẻ các nguồn tài nguyên trên không gian mạng.

Bài 12. Tạo biểu mẫu

- Khái niệm biểu mẫu (form) và các thành phần.
- Một số loại dữ liệu có thể có trong biểu mẫu.
- Biết được cách thức hoạt động của biểu mẫu và một số phần tử thường dùng.
- Sử dụng thẻ HTML tạo được biểu mẫu.
- Hình thành tư duy phân tích vấn đề và lựa chọn phương án phù hợp nhất để giải quyết yêu cầu đặt ra.

Bài 13. Khái niệm, vai trò của CSS

- Khái niệm CCS.
- Cấu trúc của các định dạng CSS.
- Vai trò của CSS.
- Cách thiết lập CSS.
- Hiểu được vai trò và ý nghĩa của mẫu định dạng CSS (Cascading Style Sheets) trong việc trình bày trang web.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

Bài 14. Định dạng văn bản bằng CSS

- Định dạng phông chữ.
- Định dạng màu chữ.
- Định dạng dòng văn bản.
- Tính kế thừa của các mẫu định dạng CSS.
- Cách chọn theo thứ tự của các mẫu định dạng.
- Sử dụng được CSS để định dạng văn bản, phông chữ.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

Bài 15. Tạo màu cho chữ và nền

- Cách thiết lập hệ thống màu sắc của CSS.
- Các thuộc tính màu sắc của định dạng CSS.

- Bộ chọn CSS dạng tổ hợp các phần tử có quan hệ và ý nghĩa của các bộ chọn này.
- Sử dụng được CSS màu để thiết lập màu cho chữ và nền.
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

Bài 16. Định dạng khung

- Phân loại phần tử khói và phần tử nội tuyến.
- Khung của phần tử và các định nghĩa có liên quan.
- Các thuộc tính định dạng khung.
- Bộ chọn lớp (class selector) và bộ chọn với mã định danh (id selector).
- Sử dụng được CSS để định dạng khung văn bản, kích thước khung, kiểu đường viền,...
- Biết sử dụng CSS cho các bộ chọn khác nhau (id, class,...)
- Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận khi làm việc nhóm, phẩm chất làm việc chăm chỉ, chuyên cần để hoàn thành một nhiệm vụ.

CÂU HỎI BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 7

1. Các em đã được làm quen với khái niệm website và trang web, cũng có thể em đã biết cách sử dụng phần mềm để tạo ra các trang web với nội dung đa dạng và phong phú hình thức trình bày đẹp Tuy nhiên, có thể các em vẫn muốn biết:

Các trang web thực chất có cấu trúc như thế nào?

- Có thể lập trình để tạo ra được các trang web hay không? Nếu lập trình được thì mã nguồn của trang web là gì?
- Các trang web có quan hệ như thế nào với ngôn ngữ HTML?
- Trang web và trình duyệt web có quan hệ như thế nào?

2. Các trang web mà em vẫn thường xem được hiển thị bởi trình duyệt web (ví dụ Cốc Cốc, Firefox, Chrome). Thực chất chúng được tạo ra từ các tệp văn bản. Các tệp văn bản này được gọi là trang nguồn (hay mã nguồn) của trang web tương ứng. Quan sát hình 7.1 và nhận xét về mã nguồn em thấy gì từ tệp nguồn của trang web?

3. Nêu sự giống và khác nhau giữa thẻ HTML và phần tử HTML.

4. Quan sát tệp HTML sau em có nhận xét gì về cấu trúc chung của một trang web?

```

1  <!DOCTYPE html>
2  <html>
3  <head>
4  <meta charset = "utf-8">
5  <title>Tên trang Web</title>
6  </head>
7  <body>
8  <div>
9    <h1>Trang Web và HTML </h1>
10   <p>Đây là dòng đầu tiên</p>
11   <hr>
12   <p>Đây là dòng cuối cùng </p>
13 </div>
14 <p> Trang này được lập bởi<em> nhóm bạn bè</em> </p>
15 </body>
16 </html>

```

5. Cây HTML có bao nhiêu phần tử gốc?

6. Hãy tìm hiểu những phần mềm có thể dùng để soạn thảo tệp HTML. Thảo luận để tìm ra cách soạn thảo tệp HTML hợp lý nhất.

7. Em có nhận xét gì về sự khác biệt khi soạn thảo HTML giữa các phần mềm chuyên nghiệp (ví dụ Notepad ++, Sublime Text) và phần mềm soạn thảo văn bản thông thường (ví dụ Notepad)?

8. Tìm ví dụ về phần tử HTML không thẻ lồng, tức là không thẻ có quan hệ cha con trong cây thông tin của trang web.

Bài 8

1. Xác định các tên thuộc tính và thẻ chứa thuộc tính tương ứng xuất hiện trong Bài 7.

2. Trình duyệt hiển thị đoạn mã html sau thành mấy dòng? Em có nhận xét gì về khoảng cách giữa các dòng?

<p> thẻ B tạo đoạn nội dung, </p><p> thẻ div tạo đoạn khồi chứa dữ liệu.

</p><p> các thẻ này không có hình thức trình bày riêng </p><p> mà được định dạng </p><p> bằng thuộc tính Style. </p>

3. Chỉnh sửa đoạn mã trong html trong ví dụ 1 để hiển thị thêm một đường kẻ ngang phân tách giữa dòng tiêu đề “Tin Học 12” và nội dung phía dưới.

4. Với cùng một đoạn văn bản, kết quả khi định dạng trong các trường hợp sau giống và khác nhau như thế nào?

Kiểu1: <p style="color:red;font-family:Tahoma;font-size:15px;text-decoration:underline">

Kiểu 2: <p style="color:rgb(255,0,0);font-family:Tahoma;font-size:10px">

5. Hãy sửa lại phần tử sau để làm nổi bật ý chính của câu: <p> thẻ strong vào thẻ em được sử dụng để nhấn mạnh vào nội dung trong phần tử. Thẻ B chỉ có tác dụng in đậm văn bản <p>

6. Trình bày đoạn văn bản sau bằng mã HTML:

INTERNET TỐC ĐỘ CAO

Dịch vụ Internet tốc độ cao là dịch vụ internet cáp quang chất lượng cao, ổn định, giá cả hợp lý.

Các tính năng nổi bật:

Tốc độ siêu cao từ 150 MBps trở lên

Lắp đặt nhanh chóng trong 24h

Phù hợp với cá nhân/Hộ gia đình

Tặng modem 2 băng tần

Miễn phí lắp đặt hỗ trợ 24/7 .

7. Hãy chỉ ra các bước cần thực hiện để sử dụng một màu cụ thể trong bức ảnh làm màu cho tiêu đề một bài thơ.

8. Hãy đưa ra các định dạng một đoạn văn bản để được kết quả như sau:

00000000000000000000000000000000

Bài 9

1. Theo em, khi trang web chỉ toàn các đoạn văn bản thì cần trình bày thế nào cho dễ nhìn?

2. Làm thế nào để tạo một danh sách lồng nhau danh sách mức 1 đánh số dạng 1, 2, 3,... và danh sách mức 2 đánh số dạng a, b, c?

3. Trong hội chợ âm thực ở trường, lớp 12E dự định bán một số món, các bạn muốn đăng trên trang web của lớp các thông tin: món ăn, đơn giá, số lượng và tổng số tiền. Theo em, các bạn nên dùng dạng biểu diễn nào: danh sách, danh sách mô tả hay bảng. Tại sao?

4. Bảng trong ví dụ trên Hình 9.6 có nhược điểm gì cần làm thế nào để giải quyết nhược điểm đó?

5. Sửa lại chương trình trong Hình 9.5a, sử dụng thuộc tính Style thay vì thuộc tính border để tạo viền cho bảng. Sử dụng màu xanh cho viền của ô hai dòng đầu bảng và sử dụng 3 màu đỏ, vàng, xanh cho ba chữ Toán, Vật lý và Hóa học.

6. Cho trước một bảng dữ liệu cỡ nx4, mỗi hàng tương ứng với một bộ (họ tên, điểm Toán, điểm Vật lý, điểm Hóa học) viết chương trình Python để tạo ra tệp HTML thực hiện việc vẽ bảng tương tự như Hình 9.5 và bổ sung dữ liệu vào các hàng phía dưới.

Bài 10

1. Em hãy nêu những điểm khác biệt khi em đọc thông tin trên các trang web với việc em đọc sách, báo giấy. Theo em điểm khác biệt nào là quan trọng nhất?

2. Các tệp có phần mở rộng chấm docx được tạo bởi Microsoft Word có thể là một siêu văn bản còn tệp có phần mở rộng .txt tạo bởi Notepad thì không. Theo em siêu văn bản có những đặc điểm gì?

3. Trong các đường dẫn sau đường dẫn nào là tuyệt đối đường dẫn nào là tương đối?

- a) html/ cach_tao_lien_ket.html
- b) http:// google.com
- c) mail.google.com/mail/u/0/#inbox/FMfcgzGMpKDHQFWcdfxcmMtxvZ

4. Hãy kể tên các trường hợp liên kết mà em đã gặp khi duyệt web hoặc khi đọc văn bản.

5. Viết một đoạn Mã HTML để hiển thị một danh sách không có thứ tự trong tệp index.html. Danh sách gồm 3 mục: bài tập 1, bài tập 2, và ôn tập. Ba mục này liên kết tới ba trang tương ứng với 3 tệp bai_tap_1.html, bai_tap_2.html và bai_tap_on_tap.html

6. Viết đoạn mã để tạo liên kết quay về trang chủ CLB.html trong trang thong_tin.html.

7. Viết một trang web giới thiệu bản thân, trong đó để ít nhất 3 liên kết tới trang web (có thể là Facebook) của ba bạn cùng lớp.

8. Viết thêm các đoạn giới thiệu (địa điểm số, thành viên, thành tích, phí hội viên, điện thoại liên hệ) cho từng câu lạc bộ ở dưới bảng Lịch hoạt động công tác CLB thể thao rồi đặt liên kết từ tên câu lạc bộ trong bảng đến đoạn giới thiệu tương ứng.

Bài 11

1. Có những điểm gì khiến em thấy hứng thú hơn khi xem các trang web so với đọc sách.

2. Hãy kể tên các định dạng tệp ảnh mà em biết phân loại chúng vào nhóm đồ họa vectơ hoặc đồ họa điểm ảnh.

3. Thẻ chỉ dùng khi chèn ảnh jpg vào trang web có đúng không?

4. Hãy nêu một số trường hợp có thể xảy ra lỗi khi hiển thị ảnh

5. Quan sát đoạn mã sau và xác định tên đoạn mã này có chức năng gì <video src="video/war_is_over.mp4" width="300" height="250" autoplay>

6. Thuộc tính scr có tác dụng gì đối với thẻ audio?

7. Trong các bài đăng có đính kèm video, một số trang web sẽ hiển thị nội dung video trong một khung và cho phép tương tác bên trong khung đó. Em có nhận xét gì về giao diện của cả trang khi thực hiện các thao tác bên trong khung này?

8. Viết các câu lệnh để tạo hai khung nội tuyến có kích thước bằng nhau, hiển thị song song (theo phương ngang) trên trang web.

9. Cho ảnh có kích thước gốc là 720x 450 Pixel chèn ảnh vào trang web bằng câu lệnh: . Kích thước ảnh trong trang web có kích thước bao nhiêu?

10. Tạo một khung nội tuyến và liên kết đến bài hát em yêu thích (ví dụ trên YouTube) vào trang web giới thiệu bản thân.

11. Chèn thêm một số ảnh của mình vào trang web giới thiệu bản thân (em đã tạo ở phần luyện tập, Bài 10.)

Bài 12. Tạo biểu mẫu

1. Điểm khác biệt giữa radio, checkbox và select là gì?

2. Viết câu lệnh để thêm một nút có tên “Quên mật khẩu” vào biểu mẫu?

Bài 13. Khái niệm, vai trò của CSS

1. Ngôn ngữ CSS có phải là HTML không?

2. Các mẫu định dạng CSS thường được mô tả trong một bảng, phải viết trên một hàng, hay có thể viết trên nhiều hàng?

3. Nếu muốn thiết lập CSS để áp dụng cho toàn bộ tệp HTML thì làm cách nào?

4. Nếu muốn thiết lập CSS để có thể áp dụng đồng thời cho nhiều trang Web thì làm cách nào?

5. Nếu muốn tất cả các đoạn văn bản của trang Web có màu xanh (blue) thì cần thiết lập định dạng CSS như thế nào?

6. Giả sử có một mẫu định dạng CSS như sau:

```
h1, h2, h3 {border: 2px solid red;}
```

Hãy giải thích ý nghĩa của mẫu định dạng CSS trên.

Bài 14. Định dạng văn bản bằng CSS

1. Giải thích các mẫu định dạng CSS sau

```
<style>
  h1 {color: red;text-align: center;}
  p {text-align: justify;}
</style>
```

2. Giả sử mẫu định dạng CSS có định dạng sau

```
<style>
  body {color: blue;}
</style>
```

Hãy kiểm tra tác dụng của CSS này trên một tệp HTML bất kì và đưa ra nhận xét.

3. Giả sử có mẫu định dạng sau.

```
<style>
  body {font-family: sans-serif;}
</style>
```

Khi đó toàn bộ văn bản của trang web sẽ mặc định thể hiện với phông có chân, đúng hay sai?

4. Giả sử có mẫu định dạng như sau

```
<style>
  body {font-family: sans-serif;}
  h1 {text-align: center !important;}
  h1 {text-align: left;}
  * {font-family: serif;}
</style>
```

Mẫu nào sẽ được áp dụng cho h1, mẫu nào sẽ được áp dụng cho thẻ p.

Bài 15. Tạo màu cho chữ và nền

1. Các màu cơ bản red, yellow, green, blue, magentam cyan được thể hiện bằng hàm hsl như thế nào?
2. Trong hệ màu rgb có bao nhiêu màu thuộc màu xám?
3. Khi nào các mẫu định dạng E F và E > F có tác dụng như nhau?
4. Tìm ví dụ và giải thích ý nghĩa cho các mẫu định dạng CSS tổng quát như sau:
 - a) E1 E2 E3
 - b) E1 > E2 > E3
5. Tìm ví dụ và giải thích ý nghĩa cho các mẫu định dạng CSS tổng quát như sau:
 - a) E + F + G
 - b) E > F + G

Bài 16. Định dạng khung

1. Chiều rộng của các phần tử nội tuyến phụ thuộc vào những yếu tố nào? Có phụ thuộc vào chiều rộng của cửa sổ trình duyệt không?
2. Khẳng định “Chiều rộng của các phần tử khỏi chỉ phụ thuộc vào kích thước cửa sổ trình duyệt” là đúng hay sai?
3. Trong các thuộc tính khung của một phần tử HTML, khoảng cách từ vùng văn bản đến đường viền khung được gọi là gì?
4. Lê khung khác gì với vùng đệm?
5. Nêu sự khác biệt cơ bản giữa thuộc tính id và class của các phần tử HTML.
6. Mỗi bộ chọn sau có ý nghĩa gì?
 - a) div#bat_dau >p
 - b) p.test em#p123

MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Bài 11. Chèn tệp tin đa phương tiện và khung nội tuyến vào trang web

A. Câu hỏi nhiều lựa chọn:

Câu 1. Thuộc tính nào sau đây là bắt buộc khi chèn tệp ảnh vào trang web?

- A. alt
- B. width
- C. height
- D. src

Câu 2. Thuộc tính nào được sử dụng để chỉ đường dẫn đến tệp tin âm thanh?

- A. controls
- B. src
- C. autoplay
- D. muted

Câu 3. Thẻ nào được sử dụng để chèn âm thanh vào trang web?

- A. <music>
- B. <audio>
- C. <sound>
- D. <track>

Câu 4. Thuộc tính nào không có trong thẻ <audio>?

- A. controls
- B. autoplay
- C. poster
- D. src

Câu 5. Thẻ nào được sử dụng để chèn video vào trang web?

- A. <audio>
- B. <media>
- C. <video>
- D. <movie>

Câu 6. Để video tự động phát khi trang web được mở, bạn cần sử dụng thuộc tính nào trong thẻ <video>?

- A. controls
- B. poster
- C. autoplay
- D. loop

Câu 7. Khi chèn liên kết đến trang web khác vào khung nội tuyến bằng thẻ <iframe>, thuộc tính nào được sử dụng để xác định nội dung hiển thị?

- A. src
- B. link
- C. ref
- D. url

Câu 8. Thuộc tính nào của thẻ <iframe> không đúng

- A. src
- B. alt
- C. width
- D. height

Câu 9. Thẻ <audio> không có thuộc tính nào sau đây?

- A. preload.
- B. width.
- C. muted.
- D. autoplay.

Câu 10. Mục đích chính của thuộc tính 'alt' trong thẻ '' là gì?

- A. Chỉ định đường dẫn đến tệp ảnh.
- B. Tự động căn giữa hình ảnh trên trang web.
- C. Thiết lập kích thước chiều cao của ảnh.

D. Cung cấp văn bản thay thế cho ảnh khi ảnh không tải được hoặc cho người dùng sử dụng trình đọc màn hình.

Câu 11. Thuộc tính nào của thẻ `` là bắt buộc?

- A. src.
- B. url.
- C. sizes.
- D. alt.

Câu 12. Phương án nào sau đây **không** phải là một cú pháp đúng của một câu trúc

A. `<html><head><title></title></head><body></body></html>`

B. `<html><head><meta></head><body></body></html>`

C. `<html><title></title><head></head><body></body></html>`

D. `<html><head></head><body><p></p></body></html>`

Câu 13. Để hiển thị một video player có các nút điều khiển (phát, tạm dừng, âm lượng) trên trang web, thẻ HTML nào được sử dụng?

- A. `<video>`
- B. `<audio>`
- C. `<iframe>`
- D. `<media>`

Câu 14. Để thiết lập kích thước cho ảnh trong HTML, bạn nên sử dụng thuộc tính nào?

- A. size
- B. dimension
- C. width và height
- D. scale

Câu 15. Trong trường hợp có nhiều video hoặc nhiều tệp âm thanh tương ứng với các định dạng khác nhau, em có thể sử dụng thẻ HTML nào để chỉ định các loại định dạng khác nhau?

- A. type.
- B. source.
- C. control.
- D. form.

Câu 16. Khi thiết lập kích thước cho ảnh bằng các thuộc tính width, height, kích thước hiển thị ảnh sẽ được tính bằng đơn vị gì?

- A. in.
- B. mm
- C. rem.
- D. px.

Câu 17. Phương án nào sau đây là định dạng tệp ảnh đồ họa vector?

- A. TIFF.
- B. GIF.
- C. EPS
- D. JPEG.

Câu 18. Phương án nào sau đây là một định dạng tệp video?

- A. wav.
- B. webm.

C. ogg.

D. flac.

Câu 19. Cho ảnh có kích thước gốc là 960 x 750 pixel. Chèn ảnh vào trang web bằng câu lệnh:

A. 800 x 750.

B. 800 x 590

C. 800 x 625.

D. 800 x 675.

Câu 20. Thẻ là:

A. thẻ đơn, dùng để thêm ảnh vào trang web.

B. thẻ đôi, dùng để thêm ảnh vào trang web.

C. thẻ đơn, dùng để thêm video vào trang web.

D. thẻ đôi, dùng để thêm video vào trang web.

B. Câu hỏi dạng Đúng/sai:

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đặc điểm của các thuộc tính trong đoạn mã khi chèn tệp ảnh vào trang web

a) Thuộc tính src trong thẻ là bắt buộc phải có.

b) png, jpg, gif, bmp đều là các định dạng ảnh được hỗ trợ bởi thẻ

c) Ý nghĩa của thuộc tính alt cung cấp văn bản thay thế khi ảnh không tải được

d) Trong khai báo dòng “Mô tả ảnh” là đoạn văn bản thay thế khi tệp anh.png hiển thị bị lỗi

Câu 2. Vai trò của các thuộc tính và đoạn mã khi tạo khung nội tuyến trong trang web

a) Thuộc tính src là đường dẫn đến nội dung hiển thị trong khung nội tuyến

b) Thuộc tính width và height dùng để chỉ định kích thước của khung iframe

c) Nếu không khai báo thuộc tính width và height, iframe sẽ tự động co giãn.

d) <iframe src="thong_tin.html" width="720" height="450"></iframe> là câu lệnh tạo khung nội tuyến có kích thước 450x720pixel

Câu 3. Phát biểu sau đây đúng hay sai về Chèn tệp ảnh vào trang web?

a) Thẻ là thẻ đơn và yêu cầu phải có thuộc tính src để chỉ đường dẫn tới tệp ảnh.

b) Thuộc tính alt trong thẻ là tùy chọn và không cần thiết nếu ảnh không hiển thị.

c) Kích thước của ảnh trong thẻ có thể được thiết lập bằng thuộc tính width và height, và nếu chỉ sử dụng một thuộc tính, chiều còn lại sẽ được tính toán tự động.

d) Để tránh lỗi khi ảnh trên mạng bị thay đổi, nên sử dụng đường dẫn tuyệt đối khi chèn ảnh vào trang web.

Câu 4. Đánh dấu đúng hay sai các ý sau đây khi chèn âm thanh và video vào trang web?

a) Thẻ <video> và <audio> có các thuộc tính cơ bản như src, width, height, và có thể sử dụng thẻ <source> để chỉ định nhiều định dạng khác nhau.

- b) Thẻ `<audio>` hỗ trợ thuộc tính width và height để thiết lập kích thước của âm thanh khi hiển thị.
- c) Thuộc tính controls trong thẻ `<video>` và `<audio>` cho phép hiển thị các thành phần điều khiển như nút phát/tạm dừng và điều chỉnh âm lượng.
- d) Thẻ `<iframe>` có thể được sử dụng để nhúng video từ YouTube hoặc Google Maps vào trang Web

Câu 5. Một nhóm học sinh cần tạo một trang web để đăng thông tin tuyển thành viên cho Câu lạc bộ F-Music với các thông tin và định dạng như sau:

TUYỂN THÀNH VIÊN F-MUSIC

Phòng 203, nhà c

Số lượng: **2 người** Năng khiếu: **đàn, hát** Thời gian: **14h, 26/3/2024**

(Ghi chú: Các chữ gạch chân đều có màu xanh dương)

Các bạn đã viết mã lệnh HTML như sau:

```
1 <!DOCTYPE html>
2 <html>
3 <head>
4 <title>Tuyển thành viên</title>
5 </head>
6 <body>
7 <pxá href="https://fmusic.vn/detail.html"> TUYỂN THÀNH VIÊN
8 F-MUSIC</ax/p>
9 <pxem>Phòng 203, nhà c</emx/p>
10 <P>SỐ lượng: <b>2 người</b> &nbsp; Năng khiếu:
11 <b>đàn, hát</b> &nbsp; Thời gian: <b>14h, 26/3/2024</bx/p>
12 <a href="https://fit.edu.vn">Website: https://fit.edu.vn</a>
13 </body>
14 </html>
```

Sau đây là ý kiến nhận xét của nhóm học sinh khác về đoạn mã lệnh trên.

- a) Mã lệnh này sẽ không hiển thị đúng tiêu đề theo yêu cầu.
- b) Thẻ `<a>` dòng 12 đang đặt sai vị trí.
- c) Cần bổ sung thêm thuộc tính font-color cho thẻ `` trên dòng 10 và 11 để đặt màu cho chữ.
- d) Trang web sẽ không hiển thị chính xác tiếng Việt.

Câu 6. Trong buổi thảo luận của các nhóm khi học HTML, bạn Lê và các bạn trong nhóm đã tranh luận về nội dung bài. Bạn hãy cùng xem xét với nhóm xem các phát biểu sau đây đúng hay sai về Chèn tệp ảnh vào trang web?

- a) Thẻ `` là thẻ đôi và yêu cầu phải có thuộc tính src để chỉ đường dẫn tới tệp ảnh
- b) Thuộc tính alt trong thẻ `` là tùy chọn và không cần thiết nếu ảnh không hiển thị.
- c) Để tránh lỗi khi ảnh trên mạng bị thay đổi, nên sử dụng đường dẫn tuyệt đối khi chèn ảnh vào trang web.
- d) Kích thước của ảnh trong thẻ `` có thể được thiết lập bằng thuộc tính width và height, và nếu chỉ sử dụng một thuộc tính, chiều còn lại sẽ được tính toán tự

động.

Câu 7. Sau khi học HTML trên lớp, các học sinh đã có những phát biểu về mã lệnh HTML. Bạn Phước đã có một số phát biểu về chèn âm thanh và video vào trang web, bạn hãy cho biết các phát biểu là đúng hay sai?

- a) Thẻ `<video>` và `<audio>` có các thuộc tính cơ bản như `src`, `width`, `height`, và có thể sử dụng thẻ `<source>` để chỉ định nhiều định dạng khác nhau.
- b) Thẻ `<audio>` hỗ trợ thuộc tính `width` và `height` để thiết lập kích thước của âm thanh khi hiển thị.
- c) Thuộc tính `controls` trong thẻ `<video>` và `<audio>` cho phép hiển thị các thành phần điều khiển như nút phát/tạm dừng và điều chỉnh âm lượng.
- d) Thẻ `<iframe>` có thể được sử dụng để nhúng video từ YouTube hoặc Google Maps vào trang web.

Câu 8. Tên bài hát: **Nhạc của rừng**

Mô tả: *Mỗi người thêm một nhánh mai này rừng thật mênh mông. Đi trong rừng thì nên đồng nhé mọi người oi*

Với giao diện này, một nhóm học sinh đã có một số bình luận và trao đổi như sau:

- a) Thẻ `<img#Rap.#Ballad>` được sử dụng để chèn biểu tượng thẻ tag như dòng cuối cùng
- b) Đoạn mã sau cho phép chèn hai ảnh có tên "tree.png" vào website.

``

- c) Để tạo ra các liên kết như nội dung dòng cuối cùng, sử dụng thẻ liên kết như sau:

`#Rap; #Ballad `

- d) Để chèn một video vào website sử dụng đoạn mã lệnh HTML sau:

`<video width="320" height="240" src="ncr.mp4" controls></video>`

Câu 9. Một thầy giáo muốn đưa thông tin liên hệ của mình lên website của nhà trường với nội dung và định dạng như sau:

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ tên: **ĐỖ PHAN THUẬN**

Chức vụ: **Hội Tin học Việt Nam**

Fax: **0123456789** Điện thoại: **0876.543.136**

Sau khi xem nội dung, các học sinh đã đưa ra các ý kiến của mình về mã HTML thầy giáo đã sử dụng để hiển thị thông tin như trên.

- a) Tiêu đề được in hoa, in đậm và gạch chân.
- b) Sử dụng thẻ `<hr>` để hiển thị dòng gạch dưới nội dung tiêu đề “THÔNG TIN LIÊN HỆ”.
- c) Đoạn mã sau cho phép căn giữa nội dung dòng tiêu đề “THÔNG TIN LIÊN HỆ”.

`<p style="text-align:center">THÔNG TIN LIÊN HỆ</p>`

- d) Để hiển thị nội dung dòng cuối cùng, sử dụng mã lệnh HTML sau:

`Fax: <b style="color:#999999">0123456789`

`Điện thoại: <b style="color:#999999">0876.543.136`

Câu 10. Để tạo ra nội dung như sau đây, một học sinh đã viết một đoạn mã lệnh HTML tương ứng.



```
<div style="text-align: center;">

<h1>
    
    TUYỂN THÀNH VIÊN F-MUSIC
</h1>

<p>
    <em>Phòng 203, nhà c</em>
</p>

<p>
    Số lượng: <b>2 người</b> &nbsp;&bull;&nbsp;
    Năng khiếu: <b>đàn, hát</b> &nbsp;&bull;&nbsp;
    Thời gian: <b>14h, 26/3/2024</b>
</p>

<p>
    
    Website:
    <a href="https://fit.edu.vn">https://fit.edu.vn</a>
</p>

</div>
 TUYỂN THÀNH VIÊN F-MUSIC
1 </img>
2 <p><em> Phòng 203, nhà c</em></p>
3 <p>số lượng:</p>
4 <b src="soluong.jpg">2 người</b> &nbsp;
5 Năng khiếu: <b src="nangkhieu.jpg">đàn, hát</b> &nbsp;
6 Thời gian: <b src="thoigian.jpg">14h, 26/3/2024
7  Website:
```

8 https://fit.edu.vn

Sau khi xem đoạn mã lệnh này, một nhóm học sinh khác đã có những nhận xét như sau. Hãy cho biết, nhận xét nào là đúng?

- a) Cú pháp HTML để hiển thị ảnh và tiêu đề trên dòng 1 là sai.
- b) Phải sử dụng thẻ <icon> thay cho thẻ để hiển thị các biểu tượng ở dòng 5.
- c) Cần bổ sung thẻ đóng cho thẻ hiển thị ảnh ở dòng 7.
- d) Không cần đặt nội dung "https://fit.edu.vn" ở giữa 2 thẻ <a> và như dòng 8.

Bài 12. TẠO BIỂU MẪU (HTML)

A. Câu hỏi Dạng nhiều lựa chọn:

Câu 1. Thuộc tính nào của thẻ <input> được dùng để hiển thị ô nhập mật khẩu (các kí tự được ẩn)?

- A. type="text"
- B. type="password"
- C. type="hidden"
- D. type="email"

Câu 2. Thuộc tính nào của thẻ <input> để tạo nút bấm thông thường (không gửi và không xóa dữ liệu trong biểu mẫu)?

- A. type="button"
- B. type="submit"
- C. type="data"
- D. type="file"

Câu 3. Cú pháp nào dưới đây tạo một ô nhập văn bản một dòng trong HTML?

- A. <input type="text">
- B. <textbox>
- C. <textarea type="text">
- D. <input text>

Câu 4. Cặp thẻ nào dưới đây dùng để tạo danh sách chọn (thả xuống)?

- A. <select>...</select>
- B. <list>...</list>
- C. <dropdown>...</dropdown>
- D. <choice>...</choice>

Câu 5. Cặp thẻ nào sau đây dùng để nhập văn bản nhiều dòng?

- A. <input>
- B. <textarea id="text" name="text">...</textarea>
- C. <textbox>...</textbox>
- D. <paragraph>...</paragraph>

Câu 6. Đoạn mã nào sau đây tạo biểu mẫu có ô nhập văn bản và nút gửi?

- A. <form><input text><button>Gửi</button></form>
- B. <input type="text"><input type="submit">
- C. <form><input type="text"><input type="submit" value="Gửi"></form>
- D. <form><textbox></textbox><submit/></form>

Câu 7. Kiểu input sau đây là phù hợp nhất để nhập số điện thoại?

- A. type="number"
- B. type="text"
- C. type="tel"
- D. type="phone"

Câu 8. Một trang web cần cho phép người dùng nhập nhiều dòng nội dung (ví dụ phần góp ý, bình luận). Phần tử HTML nào sau đây được dùng để thực hiện yêu cầu đó?

- A. <input type="text">
- B. <textarea>
- C. <textbox>
- D. <paragraph>

Câu 9. Một biểu mẫu đăng ký học phần cần cho phép học sinh có thể chọn nhiều môn học cùng lúc. Phần tử HTML nào sau đây phù hợp?

- A. <input type="checkbox">
- B. <input type="radio">
- C. <select>
- D. <input type="text">

Câu 10. Trong một biểu mẫu đăng nhập, người dùng cần nhập mật khẩu mà nội dung hiển thị bị ẩn để bảo mật. Thuộc tính nào của thẻ <input> phù hợp để thực hiện yêu cầu?

- A. type="secret"
- B. type="password"
- C. type="secure"
- D. type="hidden"

Câu 11. Một biểu mẫu đăng ký thi cho phép học sinh chỉ chọn một trong ba môn Toán, Văn hoặc Anh.

Thẻ <input> và thuộc tính nào sau đây phù hợp để thực hiện yêu cầu đó?

- A. <input type="checkbox" name="monthi">
- B. <input type="radio" id="toan"> <input type="radio" id="van"> <input type="radio" id="anh">
- C. <input type="radio" name="monthi"> Toán <input type="radio" name="monthi"> Văn <input type="radio" name="monthi"> Anh
- D. <select multiple>...</select>

Câu 12. Thẻ HTML nào sau đây được dùng để tạo ô nhập văn bản một dòng?

- A. <textarea>
- B. <input type="text">
- C. <p contenteditable>
- D. <textbox>

Câu 13. Trong biểu mẫu đăng ký tài khoản, người dùng cần nhập địa chỉ email. Kiểu <input> nào sau đây giúp trình duyệt kiểm tra định dạng email hợp lệ?

- A. type="mail"
- B. type="email"
- C. type="text"
- D. type="account"

Câu 14. Trong biểu mẫu nhập thông tin, cần hiển thị tên trường dữ liệu như “Họ tên”, “Email” trước các ô nhập liệu để người dùng dễ hiểu nội dung cần nhập. Thẻ HTML nào sau đây được sử dụng để gán nhãn mô tả cho các ô nhập liệu đó?

- A. <label>
- B. <caption>
- C. <legend>
- D. <title>

Câu 15. Trong biểu mẫu chọn sở thích cá nhân, người dùng có thể chọn nhiều mục như “Đọc sách”, “Âm nhạc”, “Thể thao”.

Phần tử HTML nào sau đây phù hợp để cho phép người dùng chọn nhiều tùy chọn cùng lúc?

- A. <input type="checkbox">
- B. <input type="radio">
- C. <select multiple>
- D. <input type="text">

Câu 16. Trong biểu mẫu đăng ký, để người dùng nhập địa chỉ trang web cá nhân, cần sử dụng phần tử <input> với kiểu nào sau đây để trình duyệt kiểm tra định dạng URL hợp lệ?

- A. type="url"
- B. type="link"
- C. type="text"
- D. type="web"

B. Câu hỏi Dang đúng/sai:

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Một trường trung học phổ thông muốn thu thập ý kiến đóng góp của học sinh thông qua một biểu mẫu trực tuyến trên website của trường. Biểu mẫu được thiết kế với một vùng nhập liệu để học sinh ghi nội dung góp ý và một nút gửi dữ liệu đến máy chủ.

Đoạn mã HTML dưới đây thể hiện cấu trúc của biểu mẫu đó:

```
<form>
  <p>Góp ý:</p>
  <textarea name="feedback"></textarea>
  <input type="submit" value="Gửi ý kiến">
</form>
```

Sau khi xem đoạn mã một số học sinh có nhận xét:

- a) Thẻ <textarea> cho phép nhập văn bản nhiều dòng.
- b) Có thẻ gửi biểu mẫu mà không cần thao tác nào từ người dùng.
- c) Có thẻ đổi nhãn nút gửi bằng thuộc tính value của <input type="submit">.
- d) Nếu bỏ thẻ <form>, nút gửi vẫn gửi dữ liệu lên máy chủ.

Câu 2. Một website trường học có biểu mẫu đăng nhập cho học sinh sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập hệ thống học tập trực tuyến.

Biểu mẫu được thiết kế như sau:

```
<form>
  <label>Tài khoản</label> <input type="text" name="user">
```

```
<label>Mật khẩu</label> <input type="password" name="pass">  
<input type="submit" value="Đăng nhập">  
</form>
```

Một số học sinh đưa ra các nhận định về đoạn mã trên:

- a) hiển thị kí tự dưới dạng biểu tượng để tránh lộ mật khẩu.

- b) Hai thẻ input trên bắt buộc phải có thuộc tính name để gửi dữ liệu hợp lệ.

- c) Có thể dùng thay cho .

- d) Nếu đổi sang , biểu mẫu vẫn tự gửi dữ liệu.

Câu 3. Một biểu mẫu đăng ký môn học trực tuyến yêu cầu học sinh chỉ được chọn một trong ba môn: Toán, Văn, hoặc Anh.

Một số học sinh đã thảo luận về cách thiết kế phần lựa chọn môn học trong biểu mẫu này và đưa ra các nhận định sau:

- a) Sử dụng nhóm để giới hạn chọn 1.

- b) Nếu dùng checkbox, hệ thống vẫn chỉ nhận tối đa 1 lựa chọn.

- c) Thuộc tính name giống nhau giúp gom các radio thành 1 nhóm lựa chọn.

- d) Dùng là phù hợp hơn radio cho yêu cầu “chọn đúng 1”.

Câu 4. Một nhóm học sinh thiết kế biểu mẫu “Đăng ký nhận bản tin” cho website của trường, sử dụng đoạn mã HTML sau:

```
<form>  
<p>Họ và tên:</p>  
<input type="text" name="hoten" required>  
<p>Địa chỉ email:</p>  
<input type="email" name="email" required>  
<p>  
    <input type="checkbox" name="dongy"> Tôi đồng ý nhận thông báo.  
</p>  
<input type="submit" value="Gửi đăng ký">  
</form>
```

Sau khi quan sát đoạn mã, các bạn trong nhóm đã đưa ra một số nhận xét sau:

- a) Cả hai trường “Họ và tên” và “Địa chỉ email” đều bắt buộc nhập trước khi gửi biểu mẫu.

- b) Khi người dùng không chọn ô “Tôi đồng ý nhận thông báo”, dữ liệu vẫn có thể gửi đi.

- c) Nếu xóa thuộc tính required, trình duyệt vẫn kiểm tra định dạng email ngay cả khi người dùng không nhập dữ liệu.

- d) Có thể thay dòng bằng Gửi đăng ký mà biểu mẫu vẫn hoạt động đúng.

BÀI 13. Khái niệm, vai trò của CSS

A. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1: Các mẫu định dạng CSS được đặt trong cặp thẻ nào sau đây của tệp HTML?

A. <title></title>

- B. <style></style>
- C. <body></body>
- D. <meta></meta>

Câu 2: Phương án nào sau đây **không** phải là một cách thiết lập CSS?

- A. CSS ngoại tuyến
- B. CSS ngoài
- C. CSS trong
- D. CSS nội tuyến

Câu 3: Phương án nào sau đây cho biết dạng của vùng mô tả (declaration block) trong mẫu định dạng CSS?

- A. {thuộc tính=giá trị;}
- B. {thuộc tính: giá trị;}
- C. {thuộc tính: giá trị;}
- D. {thuộc tính-giá trị;}

Câu 4: Phát biểu nào sau đây **đúng** về chức năng của CSS?

- A. CSS là viết tắt của Cascading Sheets Style.
- B. Mỗi mẫu định dạng CSS chỉ dùng được một lần.
- C. CSS được dùng để thiết lập các mẫu định dạng dùng trong trang web.
- D. CSS sử dụng ngôn ngữ mô tả chung với HTML.

Câu 5: Cách nào sau đây dùng để kết nối tệp HTML với CSS?

- A. <!DOCTYPE html>
 . <link src="styles.css" rel="stylesheet" type="text/css">
- B. <style>
 . @import "styles.css";
 </style>
- C. <head>
 . <link src="styles.css" rel="stylesheet" type="text/css">
 </head>
- D. @import "styles.css";
 . <!DOCTYPE html>

Câu 6: Phương án nào sau đây là đơn vị đo tương đối trong CSS?

- A. pt
- B. in
- C. ex
- D. px

Câu 7: Kí hiệu nào sau đây cho biết một mẫu định dạng cùng với thuộc tính tương ứng sẽ được ưu tiên cao nhất mà không phụ thuộc vào vị trí của mẫu trong CSS?

- A. *
- B. important!
- C. !important
- D. important

Câu 8: p {text-align: justify} là mẫu CSS thực hiện định dạng nào sau đây?

- A. Thiết lập khoảng cách đều nhau giữa các dòng văn bản
- B. Đưa đoạn văn bản ra giữa trang
- C. Căn lề đều hai bên cho đoạn văn bản
- D. Thiết lập tính chất trang trí dòng văn bản

Câu 9: Để thiết lập kiểu chữ nghiêng của văn bản, sử dụng thuộc tính CSS nào sau đây?

- A. font-size
- B. font-weight
- C. font-style
- D. font-family

Câu 10: Thuộc tính **font-weight** không nhận giá trị nào sau đây?

- A. bold
- B. 800
- C. normal
- D. 1000

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **sai** về định dạng trong CSS?

- A. Các mẫu định dạng văn bản cơ bản bao gồm các thuộc tính liên quan đến phông chữ, màu chữ và định dạng dòng văn bản
- B. CSS mặc định coi chiều cao dòng văn bản = 2px
- C. Thuộc tính text-decoration thay thế và mở rộng cho thẻ u của HTML
- D. Đường cơ sở là đường ngang mà các chữ cái đứng thẳng trên nó

Câu 12: Phát biểu nào sau đây **sai** về mức độ ưu tiên khi áp dụng mẫu CSS?

- A. Nếu có nhiều mẫu định dạng được viết cho cùng một bộ chọn thì mẫu viết sau cùng sẽ được áp dụng
- B. Thuộc tính text-decoration không có tính kế thừa
- C. Nếu một mẫu CSS áp dụng cho một phần tử HTML bất kì thì nó sẽ được tự động áp dụng cho tất cả các phần tử là con, cháu của phần tử đó trong mô hình cây HTML (trừ các trường hợp ngoại lệ, ví dụ các phần tử với mẫu định dạng riêng)
- D. Mức độ ưu tiên của * là cao nhất

Câu 13: Phát biểu nào sau đây **sai** về mẫu định dạng trong CSS?

- A. Cấu trúc tổng quát của CSS bao gồm các mẫu định dạng dùng để tạo khuôn cho các phần tử HTML của trang web.
- B. Các mẫu định dạng của CSS có thể được viết trong phần body của trang HTML.
- C. Các mẫu định dạng có thể viết trong tệp CSS ngoài và kết nối vào bất kì trang web nào.
- D. CSS sẽ giúp tách việc nhập nội dung trang web bằng thẻ HTML và việc định dạng thành hai công việc độc lập với nhau.

Câu 14: Mẫu CSS nào sau đây dùng để căn lề giữa cho tất cả các thẻ h1?

- A. h1 {text-index: center;}
- B. h1 {text-position: center;}
- C. h1 {text-indent: center;}
- D. h1 {text-align: center;}

Câu 15: Mẫu CSS nào sau đây dùng để định dạng chữ in nghiêng cho tất cả các thẻ q?

- A. q {font-size: italic;}
- B. q {font-weight: italic;}
- C. q {font-family: italic;}
- D. q {font-style: italic;}

Câu 16: Mẫu CSS nào sau đây quy định chữ màu nâu và cỡ chữ 12 cho tất cả các thẻ p?

- A. p {font-color: brown; font-size: 12px;}
- B. p {color: brown; text-size: 12px;}
- C. p {color: brown; font-size: 12px;}
- D. p {text-color: brown; font-size: 12px;}

Câu 17: Mẫu CSS nào sau đây dùng để định dạng chữ đậm cho đồng thời các thẻ h1, h2, h3?

- A. h1, h2, h3 {font-style: bold;}
- B. h1, h2, h3 {font-family: bold;}
- C. h1, h2, h3 {font-type: bold;}
- D. h1, h2, h3 {font-weight: bold;}

Câu 18: Mẫu CSS nào sau đây thiết lập cho toàn bộ các phần tử p có cỡ chữ bằng 2 lần cỡ chữ của phần tử gốc HTML của tệp HTML?

- A. p {font-size: 2em;}
- B. p {font-size: 2rem;}
- C. p {font-size: 2ex;}
- D. p {font-size: 2cm;}

Câu 19: Mẫu CSS nào sau đây thiết lập chiều cao dòng văn bản bằng 1,5 lần chiều cao dòng hiện thời?

- A. p {line-height: 1.5em;}
- B. p {line-height: 1.5rem;}
- C. p {line-height: 1.5;}
- D. p {line-height: 1.5in;}

Câu 20: Mẫu CSS nào sau đây định dạng dòng đầu tiên của đoạn văn bản thụt vào bằng 3 ký tự?

- A. p {text-align: 3ex;}
- B. p {text-align: 3em;}
- C. p {text-indent: 3em;}
- D. p {text-indent: 3pt;}

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Thầy A muốn tạo một trang web giới thiệu trường học, trong đó có nhiều lần sử dụng tiêu đề <h1>. Thầy muốn tất cả chữ tiêu đề màu đỏ.

Một học sinh có các nhận định sau:

- a) CSS có thể giúp thầy chỉ cần viết định dạng một lần mà áp dụng cho tất cả các thẻ <h1>.
- b) CSS không thể định dạng cho các thẻ <h1>, chỉ có thể dùng HTML.
- c) Mỗi thẻ <h1> phải thêm thuộc tính style="color:red" mới đổi được màu.
- d) Có thể viết quy định h1 { color: red; } trong phần <style>.

Câu 2. Một nhóm học sinh trong lớp của thầy B tạo website với nhiều trang HTML. Các em muốn toàn bộ website dùng cùng một kiểu chữ.

Một bạn trong nhóm có các phát biểu sau:

- a) CSS ngoài giúp định dạng thống nhất cho nhiều trang.

- b) Nên viết CSS ngoài trong tệp style.css và liên kết bằng thẻ <link>.
- c) Nếu chỉnh sửa tệp CSS thì toàn bộ trang web sẽ thay đổi theo.
- d) Mỗi tệp HTML bắt buộc phải viết lại CSS trong phần <style>.

Câu 3. Trong tiết thực hành, học sinh C viết đoạn CSS sau:

```
p { text-indent: 15px; color: blue; }
```

Một số bạn trong lớp có các nhận định:

- a) Vùng mô tả (declaration block) có hai quy định về định dạng.
- b) "text-indent" là thuộc tính làm thay đổi dòng đoạn văn.
- c) Đoạn CSS trên áp dụng cho tất cả các thẻ <p>.
- d) CSS này chỉ định dạng cho thẻ <p> đầu tiên của trang.

Câu 4. Trong quá trình thiết kế trang web, bạn D được yêu cầu sử dụng CSS để việc định dạng được thống nhất. D muốn định dạng chữ màu đỏ và có khung viền xanh cho tiêu đề chính và đang nghiên cứu tài liệu để viết CSS.

Một bạn trong lớp đưa ra các nhận định sau:

- c) Cấu trúc CSS gồm bộ chọn và vùng mô tả.
- d) CSS chỉ dùng để định dạng văn bản, không định dạng khung.
- b) CSS không hỗ trợ định dạng khung viền.
- a) Có thể viết: h1 { color:red; border:2px solid blue; }

Câu 5. Trong quá trình học thiết kế một trang web đơn giản cho lớp, nhóm bạn E được giáo viên hướng dẫn viết CSS trực tiếp trong thẻ HTML như sau:

```
<h1 style="color: red;">Tiêu đề</h1>
```

Một bạn trong nhóm khác có các phát biểu sau:

- a) Đây là CSS nội tuyến (inline CSS).
- b) Cách này áp dụng nhanh cho từng phần tử cụ thể.
- d) Nếu có nhiều thẻ giống nhau, cách này mất thời gian.
- c) Để áp dụng cho h2, cần viết <h2 style="color: red;">Tiêu đề</h2>.

Câu 6. Trong quá trình học thiết kế trang web, bạn F định dùng thẻ <style> trong phần <head> để định dạng trang web.

Một bạn trong nhóm khác có các phát biểu sau:

- a) Đây là CSS trong (internal CSS).
- b) CSS trong chỉ áp dụng cho trang HTML hiện tại.
- c) CSS trong có thể dùng cho nhiều trang HTML khác.
- d) CSS trong giúp trang gọn gàng hơn vì tách khỏi phần nội dung.

Câu 7. Khi trình bày một trang web bằng HTML, bạn G được hướng dẫn sử dụng file CSS để định dạng. Tuy nhiên, khi viết xong mã HTML và nộp cho giáo viên, bạn G quên không chép file CSS kèm theo.

Một bạn trong lớp có các nhận định sau:

- a) Không có CSS thì trình duyệt không thể hiển thị trang.
- b) CSS chỉ ảnh hưởng đến hình thức, không làm thay đổi nội dung.
- c) CSS giúp tách biệt việc nhập nội dung và định dạng.
- d) Trang vẫn hiển thị nội dung nhưng không có định dạng đẹp.

Câu 8. Bạn H được giao thiết kế một website cho nhóm thiện nguyện, các trang web được viết bằng HTML và sử dụng CSS để định dạng. Mỗi dịp có sự kiện, nhóm sẽ thay đổi màu chủ đạo của trang web từ màu này sang màu khác cho phù hợp.

Một bạn có các phát biểu sau:

- a) Không thể thay đổi định dạng nếu website đã hoàn tất.
- b) Nếu dùng CSS nội tuyến, phải sửa từng thẻ HTML.
- c) CSS giúp việc chỉnh sửa toàn bộ website nhanh hơn.
- d) Nếu dùng CSS ngoài, chỉ cần sửa trong tệp CSS là toàn bộ website đổi màu.

Câu 9. Bạn A học thiết kế web bằng HTML và dùng CSS để định dạng. Trong một đoạn mã CSS, A đã viết nhiều bộ chọn cách nhau bằng dấu phẩy.

Bạn B sau khi quan sát đã có một số phát biểu:

- a) Dấu phẩy có nghĩa là “và”, áp dụng đồng thời cho tất cả.
- b) Việc viết nhiều bộ chọn không giúp ích cho việc tiết kiệm thời gian và cũng không làm cho mã nguồn gọn hơn.
- c) Nếu viết sai dấu phẩy, CSS sẽ không bị lỗi.
- d) Điều này cho phép áp dụng cùng một định dạng cho nhiều thẻ.

Câu 10. Trong quá trình học về CSS, bạn K đã hỏi giáo viên: “CSS có thể làm thay đổi nội dung văn bản không?”. Để hỗ trợ bạn K giải đáp thắc mắc, giáo viên đã cho lớp thảo luận về nội dung này.

Sau khi thảo luận, một bạn trong lớp có các nhận định sau:

- a) CSS là ngôn ngữ lập trình, có thể thay đổi nội dung văn bản.
- b) CSS chỉ định dạng cách hiển thị, không thay đổi nội dung.
- c) CSS có thể làm chữ đậm, nghiêng, đổi màu – đó là định dạng, không phải thay đổi nội dung.
- d) Muốn thay đổi nội dung phải sửa HTML, không sửa CSS.

BÀI 14. ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN BẰNG CSS

A. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn:

Câu 1. CSS là viết tắt của từ nào?

- A. Cascading Style Sheets.
- B. Colorful Style Sheets.
- C. Creative Style Sheets
- D. Component Style Sheets.

Câu 2. Phần tử nào sau đây được dùng để khai báo internal CSS?

- A. link
- B. base
- C. style
- D. meta

Câu 3. Mục đích chính của CSS là gì?

- A. Tạo hiệu ứng động cho trang web.
- B. Định dạng và trình bày các phần tử HTML.
- C. Xây dựng cấu trúc cho trang web.
- D. Tạo các tương tác với người dùng.

Câu 4. Câu lệnh CSS nào sau đây thực hiện định dạng tiêu đề lớn nhất <h1> là phông chữ Arial và có màu xanh dương?

- A. h1 {font: Arial; color: blue; }
- B. h1 {font-family: Arial; color: blue; }

C. h1 {font-family: Arial; font-color: blue; }

D. h1 {font: Arial; text-color: blue; }

Câu 5. Trong phần đầu của văn bản HTML, phần tử nào sau đây được sử dụng để chèn CSS trực tiếp vào trang HTML?

A. <style>

B. <script>

C. <link>

D. <head>

Câu 6. Để làm cho một phần tử hiển thị ở dạng in nghiêng, ta sử dụng thuộc tính nào?

A. font-style: italic

B. font-weight: bold

C. text-decoration: underline

D. text-align: center

Câu 7. Đoạn mã CSS nào sau đây sẽ định dạng font chữ của toàn bộ văn bản là màu xanh?

A. body {color: blue;}

B. body {font-color: blue;}

C. <body {color: blue;}>

D. <body font-color="blue">

Câu 8. Thuộc tính nào trong CSS được sử dụng để thay đổi màu nền của một phần tử?

A. color

B. background-color

C. text-color

D. fill-color

Câu 9. Một HS tạo một tệp *style.css* có các quy tắc định dạng như sau: Phương án nào cho bên dưới mô tả đúng cách thức sử dụng các định dạng này?

h1 {color: grey;}

p {font-size: 16px; color: #333333; }

A. Sao chép các định dạng này đặt trong thẻ <style> ở phần <head> của trang web.

B. Nhúng tệp *style.css* vào trang web bằng thẻ <link> đặt trong thẻ <style> ở phần <head> của trang web.

C. Nhúng tệp *style.css* vào trang web bằng thẻ <style> trong phần <head> của trang web.

D. Sao chép các định dạng này đặt trong thẻ <link> ở phần <head> của trang web.

Câu 10. Trong đoạn code CSS: h1, h2 {color: blue; }, dòng code này có ý nghĩa gì?

A. Thay đổi màu nền của các thẻ h1 và h2 thành màu xanh.

B. Thay đổi màu chữ của các thẻ h1 và h2 thành màu xanh.

C. Tăng kích thước chữ của các thẻ h1 và h2.

D. Làm in đậm các thẻ h1 và h2.

Câu 11. Để định dạng ba thẻ h1, h2, và h3 đều in nghiêng và có màu chữ đỏ, câu lệnh CSS nào sau đây là đúng?

- A. h1, h2, h3 { color: red; font-style: italic; }
- B. h1>h2>h3 {font-color: "red"; font-style: italic;}
- C. h1+h2+h3 {text-color: "red"; font-style: "italic";}
- D. h1 h2 h3 { color: red; font-style: italic; }

Câu 12. Đoạn mã dưới đây khai báo định dạng CSS cho một trang web. Phương án nào cho bên dưới nêu đúng kết quả hiển thị văn bản ở dòng 8 khi chạy đoạn mã này?

1	<head>
2	<style>
3	p{ color: red; font-size: 14px; }
4	p{ color: yellow; font-size: 13px; }
5	</style>
6	</head>
7	<body>
8	<p> Hôm nay trời rất nóng </p>
9	</body>

- A. Chữ màu đỏ, có kích thước 14px.
- B. Chữ màu đỏ, có kích thước 13px.
- C. Chữ màu vàng, có kích thước 14px.
- D. Chữ màu vàng, có kích thước 13px.

Câu 13. Nếu một quy tắc CSS được định nghĩa trong nhiều tệp CSS và các tệp này đều được sử dụng bởi một văn bản HTML, quy tắc CSS nào sau đây sẽ được áp dụng cho văn bản HTML đó?

- A. Quy tắc từ tệp CSS đầu tiên.
- B. Quy tắc từ tệp CSS cuối cùng.
- C. Quy tắc từ tệp CSS có độ chi tiết (specificity) cao hơn.
- D. Quy tắc từ tệp CSS có số bộ chọn ít hơn.

Câu 14. Cho đoạn mã lệnh HTML:

<p><i>Hủ tiêu mực</i> là món ăn bao gồm hủ tiêu và <i>mực</i></p>

Nếu đoạn mã nguồn này được nhúng thêm các lệnh CSS như sau đây, kết quả hiển thị trên trình duyệt là gì?

P > b > i {color: grey;}

- A. Hủ tiêu mực là món ăn bao gồm hủ tiêu và mực
- B. Hủ tiêu mực là món ăn bao gồm hủ tiêu và mực
- C. Hủ tiêu mực là món ăn bao gồm hủ tiêu và mực
- D. Hủ tiêu mực là món ăn bao gồm hủ tiêu và mực

Câu 15. Cần định dạng cho tất cả thẻ đoạn văn bản <p> trong một trang web có các đặc điểm sau:

- Màu nền của khung bao quanh đoạn văn bản là màu xanh lá (#2ecc71).
- Khoảng cách giữa hộp bao quanh đoạn văn bản và các phần tử xung quanh là 40px.

Đoạn mã CSS nào sau đây phù hợp nhất để thực hiện công việc trên?

- A. p {color: #2ecc71; padding: 40px;}

- B. p {background: #2ecc71; margin: 40px}
- C. p {background: #2ecc71; padding: 40px;}
- D. p {background-color: #2ecc71; margin: 20px;}

Câu 16. Khai báo nào sau đây được dùng để áp dụng các định dạng CSS được khai báo trong tệp “main.css”

- A. <link stylesheet href= "main.css">
- B. <style rel="stylesheet" href="main.css"
- C. <link rel= "stylesheet" href="main.css">
- D. <stylesheet href="main.css">

Câu 17. Đoạn mã dưới đây khai báo định dạng CSS cho một trang web. Phương án nào cho bên dưới nêu đúng kết quả hiển thị văn bản ở dòng 8 khi chạy đoạn mã này?

1	<head>
2	<style>
3	p{ color: red; font-size: 14px;}
4	p{ color: yellow; font-size: 13px;}
5	</style>
6	</head>
7	<body>
8	<p> Hôm nay trời rất đẹp </p>
9	</body>

- A. Chữ màu đỏ, có kích thước 14px.
- B. Chữ màu đỏ, có kích thước 13px.
- C. Chữ màu vàng, có kích thước 14px.
- D. Chữ màu vàng, có kích thước 13px.

Câu 18. Có bao nhiêu lỗi cú pháp khai báo CSS trong tệp “default.css” sau?

```
p {color: blue}
h1 {font-family: "Arial", font-size: 20px;}
a; h2 {background-color: yellow;}
A. 1
B. 2
C. 3
D. 4
```

Câu 19. Khai báo CSS nào sau đây sẽ thiết lập siêu liên kết chữ có màu đỏ, cỡ chữ 15 pixel?

- A. a color red; font-size: 15px;}
- B. a {color: red, font-size: 15px;}
- C. a {color: red; font-size: 15px}
- D. a {color: red; font-size: 15px;}

Câu 20. Khai báo CSS nào sau đây sẽ thiết lập các phần tử h4, h5 cùng sử dụng chung định dạng?

- A. h4 h5 {color: grey; border-style: solid;}
- B. h4, h5 {color: grey; border-style: solid;}
- C. h4; h5 {color: grey; border-style: solid;}
- D. h4. h5 {color: grey; border-style: solid;}

BÀI 15: TẠO MÀU CHO CHỮ VÀ NỀN

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Trong HTML, thuộc tính nào dùng để đổi màu chữ?

- A. background-color
- B. font-color
- C. color
- D. text-color

Câu 2. Mẫu định dạng CSS gồm hai quy định, chữ màu nâu và cỡ chữ 12 cho tất cả các thẻ p là

- A. p {font-color: brown; font-size: 12px;};
- B. p {color: brown; text-size: 12px;};
- C. p {color: brown; font-size: 12px;};
- D. p {text-color: brown; font-size: 12px;};

Câu 3. Mã màu #FF0000 tương ứng với màu gì?

- A. Xanh dương
- B. Đỏ
- C. Vàng
- D. Đen

Câu 4. Trong CSS, đơn vị phần trăm trong rgba() biểu thị cho:

- A. Cường độ sáng
- B. Độ đậm
- C. Độ trong suốt
- D. Kích thước chữ

Câu 5. Để làm cho tất cả văn bản trong trang web có màu xám, bạn sử dụng thuộc tính CSS nào?

- A. background-color: gray;
- B. border: gray;
- C. color: gray;
- D. font-color: gray;

Câu 6. Hệ màu nào được sử dụng trong CSS để biểu diễn màu sắc bằng ba giá trị số từ 0 đến 255?

- A. CMYK
- B. RGB
- C. HSL
- D. HEX

Câu 7. Phương án nào sau đây là cách thiết lập màu đen trong hệ màu RGB?

- A. rgb(100%,100%,100%).
- B. #808080.
- C. rgb(255,255,255).
- D. #000000.

Câu 8. Ý nghĩa của bộ chọn E + F là gì?

- A. Quan hệ anh em liền kề. Áp dụng cho các phần tử F là phần tử liền kề ngay sau E, E và F phải có cùng phần tử cha.

- B. Quan hệ anh em. Áp dụng cho các phần tử F là phần tử đứng sau, không cần liên tục với E, E và F phải có cùng phần tử cha.
- C. Quan hệ cha con trực tiếp. Áp dụng cho các phần tử F với điều kiện F là phần tử con/cháu của E, tức là E phải ở phía trên F trong cây HTML.
- D. Quan hệ con cháu. Áp dụng cho các phần tử F với điều kiện F là phần tử con của E.

Câu 9. Mã `rgb(0, 255, 0)` đại diện cho màu nào trong hệ màu RGB?

- A. Màu đỏ
- B. Màu xanh lá cây
- C. Màu xanh dương
- D. Màu vàng

Câu 10. Mẫu CSS định dạng phần tử h1 có kiểu chữ đậm, màu chữ đỏ và màu nền hồng nhạt là

- A.

```
h1 {
    font-style: italics;
    color: rgb(255, 0, 0);
    background-color: lightpink;
}
```
- B.

```
h1 {
    font-weight: bold;
    color: rgb(255, 0, 0);
    background-color: lightpink;
}
```
- C.

```
h1 {
    font-weight: bold;
    color: rgb(0, 0, 255);
    background-color: lightpink;
}
```
- D.

```
h1 {
    font-style: italics;
    color: lightpink;
    background-color: rgb(255, 0, 0);
}
```

Câu 11. Mẫu CSS áp dụng cho các phần tử có quan hệ cha con trực tiếp là

- A. `div p {background-color: lightblue;}`
- B. `p + em {color: red;}`.
- C. `p > strong {color: green;}`.
- D. `strong ~ em {color: gray;}`.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là ĐÚNG về tham số S (Saturation) trong hệ màu HSL?

- A. Khi độ bão hòa bằng 0%, màu sẽ biến mất chỉ còn xám.
- B. Khi độ bão hòa bằng 100%, màu sẽ biến mất.
- C. Khi độ bão hòa bằng 0%, độ sáng là lớn nhất.
- D. Độ bão hòa có giá trị từ 0 đến 255.

Câu 13. Màu trắng (white) được thiết lập trong hệ màu RGB bằng phần trăm như thế nào?

- A. `rgb(0%, 0%, 0%)`

- B. `rgb(50%, 50%, 50%)`
- C. `rgb(255, 255, 255)`
- D. `rgb(100%, 100%, 100%)`**

Câu 14. Sự khác biệt cơ bản giữa bộ chọn EF và E>F là gì?

- A. EF áp dụng cho phần tử E còn E>F áp dụng cho phần tử F.
- B. EF áp dụng cho F là anh em của E, còn E>F áp dụng cho F là con của E.
- C. EF áp dụng cho F là con trực tiếp của E, còn E>F áp dụng cho F là con/cháu của E.
- D. EF áp dụng cho F là con/cháu của E, còn E>F áp dụng cho F là con trực tiếp của E.**

Câu 15. Khi thiết lập màu trong RGB bằng giá trị phần trăm, tham số biểu thị:

- A. Giá trị độc lập từ 0 đến 100.
- B. Giá trị độc lập từ 0 đến 255.
- C. Giá trị phần trăm của 255.**
- D. Giá trị phần trăm của 360.

Câu 16. Để thiết lập màu **vàng (yellow)** bằng hệ màu RGB, các tham số (R, G, B) phải là gì?

- A. (255,0,0)
- B. (0,255,0)
- C. (0,0,255)
- D. (255,255,0)

Câu 17. Giả sử bạn có cấu trúc HTML: `<div><p>Văn bản 1</p> <p>Văn bản 2</p></div> <p>Văn bản 3</p>`. Với bộ chọn `div p {color: blue;}`, những đoạn văn bản nào sẽ có màu xanh dương?

- A. Cả 3 đoạn văn bản.
- B. Văn bản 1 và Văn bản 2.**
- C. Chỉ Văn bản 3.
- D. Chỉ Văn bản 1.

Câu 18. Cần thiết lập thuộc tính CSS nào để màu sắc của khung viền quanh phần tử `h1` là màu **magenta** với độ dày `2px` và kiểu đường thẳng `solid`?

- A. `color: magenta;`
- B. `background-color: magenta;`
- C. `border: 2px solid magenta;`**
- D. `border-color: magenta;`

Câu 19. Bạn muốn áp dụng định dạng cho phần tử **strong** **ngay liền kề** sau phần tử `em`. Bộ chọn tổ hợp nào bạn nên sử dụng?

- A. `em strong`
- B. `em > strong`
- C. `em + strong`
- D. `em ~ strong`**

Câu 20. Hai bộ chọn tổ hợp EF (quan hệ con cháu) và E>F (quan hệ con trực tiếp) có tác dụng **như nhau** trong trường hợp nào?

- A. Khi E và F có cùng một phần tử cha.
- B. Khi phần tử F chỉ có thể là con trực tiếp của E (không có phần tử nào nằm giữa E và F).**

C. Khi F là phần tử con của E, và E là con của body.

D. Khi E và F là các phần tử anh em liền kề.

PHẦN B – CÂU HỎI DẠNG ĐÚNG/SAI

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Xét về thuộc tính đổi màu trong HTML/CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) Mã màu #000000 là màu đen.

b) Thuộc tính color dùng để đổi màu chữ.

c) Mã màu rgb(255,0,0) là màu cam.

d) Chữ đỏ trên nền xanh lá luôn dễ đọc.

Câu 2. Xét về cú pháp đổi màu nền trong HTML/CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) Mã màu #FFFFFF là màu trắng.

b) Thuộc tính *bgcolor* dùng trong <body>.

c) Mã màu #00FF00 là xanh dương.

d) Khi thiết kế giao diện, cần kiểm tra độ tương phản giữa chữ và nền.

Câu 3. Xét về định dạng mã màu trong CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) Thuộc tính *background-color* đổi màu nền.

b) *rgba()* cho phép tạo ra hiệu ứng trong suốt.

c) Mã màu HEX có thể viết dưới dạng 3 ký tự #FFF.

d) Chữ vàng trên nền trắng dễ đọc hơn chữ màu đen trên nền trắng.

Câu 4. Xét về mã màu RGB hỗ trợ bởi HTML và CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) Mã màu rgb(0,0,255) là xanh dương.

b) Cả HTML và CSS đều có thể đổi màu chữ.

c) Mã #FFAA00 là màu thuộc dải xanh lá.

d) Khi in tài liệu, nền màu đậm có thể gây tổn mực.

Câu 5.(D2, B, B, H, V, NLc) Xét về sử dụng màu trong CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) background và background-color là một lệnh giống nhau hoàn toàn.

b) Mã màu #FF0000 là đỏ.

c) Có thể dùng tên màu tiếng Anh như: “red, blue” thay vì dùng mã HEX.

d) Chữ màu đen trên nền đỏ là sự kết hợp lý tưởng cho mọi đối tượng.

Câu 6. HTML và CSS hỗ trợ hệ màu theo mẫu RGB và HSL. Hãy xác định tính Đúng hoặc Sai của các phát biểu sau:

a) Mỗi màu trong hệ màu RGB là một tổ hợp gồm 3 giá trị, trong đó mỗi giá trị này là số nguyên nằm trong khoảng từ 0 đến 255, tức là một số 8 byte.

b) Trong hệ màu RGB có 255 màu thuộc màu xám.

c) Trong hệ màu HSL, màu sẽ biến mất chỉ còn xám khi độ bão hòa bằng 0%.

d) Trong hệ màu HSL, với độ sáng 100% thì màu sẽ đen.

Câu 7. Xét về cú pháp CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) color: blue; là cú pháp hợp lệ trong CSS.

b) bgcolor="yellow" là cú pháp hợp lệ trong HTML cũ.

c) Hàm linear-gradient() dùng để chỉnh độ trong suốt.

d) Sử dụng nền chuyển màu giúp giao diện sinh động hơn nếu dùng đúng cách.

Câu 8. Xét về dạng mã màu trong HTML/CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) Mã màu rgb(255,255,255) là trắng.

b) Mã màu HEX luôn bắt đầu bằng #.

c) rgba(255,0,0,0) là màu đỏ đậm nhất.

d) Khi chọn màu, cần quan tâm tới cảm xúc người dùng.

Câu 9. Xét về nhận diện màu trong HTML/CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) Mã màu #FFFF00 là màu vàng.

b) Chữ xanh dương trên nền đen luôn dễ đọc.

c) background-color: transparent giúp nền trong suốt.

d) Chữ màu sáng trên nền sáng thường gây khó đọc.

Câu 10. Xét về vai trò màu sắc trong HTML/CSS. Em hãy cho biết, những nhận định sau đây nhận định nào đúng, nhận định nào sai:

a) CSS có thể dùng để đổi màu cả chữ và nền.

b) Mã màu #0000FF tương ứng với màu xanh lá.

c) Sử dụng tên màu (red, blue) luôn chính xác hơn mã HEX.

d) Khi thiết kế giao diện, màu sắc có vai trò quan trọng trong việc truyền tải cảm xúc.

BÀI 16. ĐỊNH DẠNG KHUNG

A. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Câu 1. Thuộc tính nào sau đây quy định độ dày của khung viền?

A. border-style

B. border-width

C. border-color

D. border-radius

Câu 2. Thuộc tính nào dùng để quy định kiểu khung viền (liền, đứt, chấm,...)?

A. border-type

B. border-width

C. border-style

D. border-line

Câu 3. Giá trị nào sau đây *không* phải là kiểu khung hợp lệ trong CSS?

A. solid

B. dashed

C. dotted

D. wavy

Câu 4. Cú pháp nào trong ngôn ngữ HTML dùng để tạo khung màu đỏ cho đoạn văn?

A. p { border: red; }

B. p { border-color: red; }

C. p { color-border: red; }

D. p { border-width: red; }

Câu 5. Trong HTML khi không khai báo border-style thì khung viền sẽ có dạng:

- A. solid
- B. hidden
- C. none
- D. default

Câu 6. Cặp thẻ HTML nào thường được định dạng khung để nhóm nội dung?

- A. <section> </section>
- B. <div> </div>
- C. <title> </title>
- D. <head> </head>

Câu 7. (Chọn phát biểu đúng về thuộc tính margin trong HTML?)

- A. Xác định khoảng cách trong viền phần tử
 - B. Xác định độ dày viền
 - C. Xác định kiểu đường viền
 - D. Xác định khoảng cách **bên ngoài** viền phần tử
- Câu 8. Chọn phát biểu đúng về thuộc tính padding trong HTML?**
- A. Padding là khoảng cách giữa hai phần tử liền kề.
 - B. Padding là độ dày của viền.
 - C. Padding là khoảng cách **giữa nội dung và đường viền**.
 - D. Padding là phần nằm ngoài khung.

Câu 9. Cú pháp nào sau đây để tạo viền đen dày 2px dạng liền cho một phần tử?

- A. border: 2px solid black;
- B. border: black 2px solid;
- C. border: solid black 2px;
- D. border: solid 2px;

Câu 10. Trong HTML nếu chỉ muốn tạo khung ở cạnh trên, ta dùng thuộc tính nào sau đây:

- A. border
- B. border-top
- C. border-up
- D. border-line

Câu 11. Kết quả của đoạn mã sau là gì?

```
div { border: 2px dashed blue; }
```

- A. Khung nét liền màu xanh
- B. Khung nét đứt màu xanh
- C. Khung nét đứt màu đỏ
- D. Khung nét đôi màu xanh

Câu 12. Trong ngôn ngữ HTML để gộp khung viền trong bảng, ta sử dụng thuộc tính nào sau đây:

- A. border-collapse
- B. border-join
- C. border-merge
- D. border-table

Câu 13. Để tạo khung có độ bóng trong ngôn ngữ HTML, ta sử dụng thuộc tính nào sau đây?

- A. border-shadow
- B. box-shadow
- C. shadow-border
- D. border-light

Câu 14. <iframe src="Tuyen_sinh.html" width="600" height="300"></iframe>

Đoạn mã HTML dưới đây tạo ra một khung (nội tuyến) để nhúng một trang web vào văn bản HTML. Phương án nào sau đây ĐÚNG kết quả thực hiện?

- A. Xảy ra lỗi vì URL không hợp lệ.
- B. Không có lỗi, hiển thị khung (nội tuyến) có nội dung: "Tuyen_sinh.html" width="600" height="300".
- C. Không có lỗi, nhưng hiển thị nội dung khung (nội tuyến) rỗng.
- D. Không có lỗi, hiển thị khung (nội tuyến) có nội dung của trang web Tuyen_sinh.html, được xác định kích thước chiều rộng là 600 và chiều cao là 300.

Câu 15. Cách viết lệnh nào sau đây để tạo khung tròn hoàn toàn cho ảnh đại diện?

- A. img { border-radius: 100px; }
- B. img { border-radius: 50%; }
- C. img { border-style: round; }
- D. img { border-circle: 1; }

Câu 16. Chọn mã lệnh đúng để tạo khung có 4 cạnh khác màu trong các mã lệnh sau đây?

- A. border-color: red, green, blue, yellow;
- B. border-color: red green blue yellow;
- C. border: red green blue yellow;
- D. border-side: 4color;

Câu 17. Để làm nổi bật phần chú ý trong văn bản, ngoài border nên dùng thêm thuộc tính nào sau đây:

- A. background-color
- B. border-width
- C. border-radius
- D. border-gap

Câu 18. Vì sao nên dùng CSS thay vì thuộc tính border trong HTML?

- A. CSS dễ chỉnh sửa và tách biệt nội dung – trình bày
- B. HTML không hỗ trợ khung
- C. CSS nhẹ hơn HTML
- D. HTML bị lỗi hiển thị

Câu 19. Chọn phương án đúng nhất về mã CSS tạo khung nét đôi, dày 4px, màu tím cho thẻ <h2>?

- A. h2 { border: double 4px purple; }
- B. h2 { border: 4px purple double; }
- C. h2 { border: 4px double purple; }
- D. h2 { border-color: purple; border-type: double; border-width: 4px; }

Câu 20. Để đặt padding màu xanh lam, trên và dưới cùng bằng 10px và bo góc có bán kính 10px cho các hình ảnh đặt trong phần tử HTML có id là image-style, cách khai báo nào sau đây là chính xác?

- A. .image-style img { padding: 10px 0px; border-radius: 10px; background-color: blue;}
- B. image-style .img { padding: 10px 0px; border-radius: 10px; background-color: blue;}
- C. #image-style img { padding-top: 10px; padding-bottom: 10px; border-radius: 10px; background-color: blue;}
- D. .image-style img { padding: 0px 10px; background-color: blue; border-radius: 10px; }

B. Câu hỏi dạng ĐÚNG/SAI

Câu 1. Trong quá trình học nội dung định dạng khung trong ngôn ngữ HTML bạn An có các phát biểu sau về *phần tử khối* và *phần tử nội tuyến*. Em hãy nhận xét về các phát biểu của bạn An:

- A. Thẻ <div> là phần tử nội tuyến.
- B. Thẻ là phần tử nội tuyến.
- C. Khi đặt display: inline;, không thể chỉnh width hoặc height cho phần tử.
- D. Để thay đổi kích thước cho phần tử nội tuyến, có thể dùng display: inline-table;

Câu 2. Em hãy Cho ý kiến nhận xét các phát biểu về thuộc tính viền (border) trong CSS khi thiết lập định dạng khung

- A. border-width dùng để quy định độ dày của đường viền.
- B. border-style dùng để chọn màu của viền.
- C. Nếu không có border-style, viền sẽ không hiển thị dù đã có màu và độ dày.
- D. Câu lệnh border: 3px dashed blue; tạo viền xanh nét đứt, dày 3px.

Câu 3. Khi tìm hiểu về việc định dạng khung trong HTML bạn Hoa có các phát biểu về thuộc tính margin và padding. Em hãy nhận xét các ý kiến của bạn Hoa:

- A. margin là khoảng cách bên ngoài viền của phần tử.
- B. padding là khoảng cách giữa viền và phần tử kế bên.
- C. Khi tăng giá trị padding, kích thước hiển thị của phần tử sẽ tăng lên.
- D. Câu lệnh margin:10px; padding:5px; tạo khoảng cách ngoài 10px và trong 5px cho phần tử.

Câu 4. Em hãy nhận xét các phát biểu sau về thuộc tính khung viền trong CSS trong ngôn ngữ HTML.

- A. border-color dùng để xác định màu của viền.
- B. border-style: solid; tạo viền dạng chấm nhỏ.
- C. Nếu chỉ viết border: 2px;, trình duyệt sẽ không hiển thị viền.
- D. Câu lệnh border: 2px dotted red; tạo viền đỏ nét chấm dày 2px.

Câu 5. (D2, B, B, H, V, NLB) Em hãy nhận xét các phát biểu sau về bộ chọn CSS

- A. Selector bắt đầu bằng dấu “.” dùng để chọn class.
- B. Selector bắt đầu bằng dấu “#” dùng để chọn id.
- C. Nếu phần tử có cả id và class, định dạng từ class được ưu tiên hơn id.

D. Câu lệnh p.intro {color: blue;} định dạng cho các đoạn <p> có class là “intro”.

Câu 6. Trong quá trình làm việc với HTML bạn Mai có một số phát biểu về khái niệm và chức năng của khung trong trang web như sau. Em hãy nhận xét ý kiến của bạn Mai.

- A. Khung giúp chia trang web thành nhiều phần riêng biệt.
- B. Mỗi phần của khung có thể chứa một trang HTML khác nhau.
- C. Khung được tạo bằng thẻ <div> kết hợp với CSS.
- D. Có thể sử dụng khung để chia bố cục trang một cách linh hoạt và dễ chỉnh sửa.

Câu 7. Khi thiết kế trang web, thẻ <iframe> thường được dùng để chèn một trang web khác hoặc nội dung bên ngoài vào trong trang hiện tại. Bạn An có một số phát biểu về thẻ <iframe> như sau. Em hãy nhận xét các phát biểu của bạn An.

- A. Thẻ <iframe> được dùng để chèn một trang web khác vào trong trang hiện tại.
- B. Thuộc tính src của <iframe> chỉ định địa chỉ tài nguyên cần hiển thị.
- C. Có thể điều chỉnh kích thước khung bằng thuộc tính border-radius.
- D. CSS có thể được dùng để căn giữa hoặc thêm đường viền cho <iframe>.

Câu 8. Trong HTML, các khung có thể được tổ chức linh hoạt và hoạt động độc lập với nhau. Hãy nhận xét phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai về cấu trúc và đặc điểm của khung.

- A. Không thể lồng nhiều khung bên trong một khung khác.
- B. Mỗi khung có thể có nội dung và CSS riêng.
- C. Khi sử dụng khung, nội dung các khung được tải độc lập với nhau.
- D. Sử dụng quá nhiều khung có thể làm giảm tốc độ tải trang.

Câu 9. CSS cho phép định dạng khung rất linh hoạt thông qua các thuộc tính đường viền, khoảng cách và màu sắc. bạn Mai có một số phát biểu như sau. Em hãy nhận xét các phát biểu của bạn Mai.

- A. Có thể dùng thuộc tính border để tạo đường viền cho khung.
- B. border-style quy định kiểu viền, ví dụ: solid, dotted, dashed.
- C. margin điều chỉnh độ dày của viền.
- D. Có thể phối hợp border và padding để tạo hiệu ứng khung đẹp.

Câu 10. Trong CSS, việc phối hợp giữa các thuộc tính border, margin, padding giúp tạo bố cục trang hài hòa. Khi làm việc với CSS bạn Hoa có một số phát biểu như sau. Em hãy nhận xét các phát biểu của bạn Hoa.

- A. padding tạo khoảng cách giữa nội dung và đường viền.
- B. margin tạo khoảng cách giữa phần tử và các phần tử khác.
- C. border-width quyết định độ dày của nội dung.
- D. Kết hợp hợp lý border, margin, padding giúp bố cục trang cân đối.

- Chúc các em ôn tập và làm bài kiểm tra cuối kỳ đạt hiệu quả !! -